

MỤC LỤC

	Trang
Bảng Cân đối kế toán	2 - 3
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	4
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	5
Thuyết minh Báo cáo tài chính	6 - 29

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2015	Tại ngày 01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,321,248,131,332	1,304,728,801,723
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		64,720,297,178	55,907,981,288
1 . Tiền	111	6.1	61,820,297,178	52,307,981,288
2 . Các khoản tương đương tiền	112		2,900,000,000	3,600,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		545,539,041,937	542,295,398,464
1 . Phải thu khách hàng	131		444,967,898,274	441,262,207,889
2 . Trả trước cho người bán	132		64,771,676,407	43,756,342,302
3 . Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	6.2	302,195,081	148,853,287
5 . Các khoản phải thu khác	135	6.2	35,497,272,175	57,127,994,986
IV. Hàng tồn kho	140		639,063,234,111	656,624,498,236
1 . Hàng tồn kho	141	6.3	640,760,204,601	658,321,468,726
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1,696,970,490)	(1,696,970,490)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		71,925,558,106	49,900,923,735
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.4	13,360,580,340	12,675,721,310
2 . Thuế GTGT được khấu trừ . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152 154	6.5	48,665,282,564	29,298,964,904
3 . Tài sản ngắn hạn khác	158	6.6	6,250,840,812	4,191,010,465
			3,648,854,390	3,735,227,056
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		438,709,733,398	430,420,957,731
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11,835,180,000	13,515,467,381
1 . Phải thu dài hạn của khách hàng	211		11,835,180,000	13,515,467,381
II. Tài sản cố định	220		236,847,203,883	226,742,245,123
1 . TSCĐ hữu hình	221	6.7	212,153,066,437	201,154,348,475
- Nguyên giá	222		584,618,153,095	561,670,062,894
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(372,465,086,658)	(360,515,714,419)
3 . TSCĐ vô hình	227	6.8	24,694,137,446	25,286,881,535
- Nguyên giá	228		32,246,129,732	32,246,129,732
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7,551,992,286)	(6,959,248,197)
4 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.9	-	301,015,113
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6.10	153,226,571,825	154,576,571,825
1 . Đầu tư vào công ty con	251		60,053,268,520	60,053,268,520
2 . Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		70,112,689,920	70,112,689,920
3 . Đầu tư dài hạn khác	258		23,060,613,385	24,410,613,385
V. Tài sản dài hạn khác	260		36,800,777,690	35,586,673,402
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	6.11	35,120,490,490	33,906,386,202
3 . Tài sản dài hạn khác	268		1,680,287,200	1,680,287,200
TỔNG TÀI SẢN	270		1,759,957,864,730	1,735,149,759,454



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2015	Tại ngày 01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,470,585,622,786	1,457,969,810,435
I. Nợ ngắn hạn	310		1,418,687,036,536	1,421,248,707,398
1 . Vay và nợ ngắn hạn	311	6.12	1,089,087,446,935	981,314,810,542
2 . Phải trả người bán	312		227,525,958,119	277,152,364,399
3 . Người mua trả tiền trước	313		3,607,411,977	2,505,595,211
4 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.13	7,988,475,128	7,182,717,880
5 . Phải trả người lao động	315		45,574,425,258	113,850,716,252
6 . Chi phí phải trả	316	6.14	18,419,402,704	15,854,998,246
. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.15	13,975,864,607	10,133,283,870
11 . Quỹ khen thưởng ,phúc lợi	323		12,508,051,808	13,254,220,998
II. Nợ dài hạn	330		51,898,586,250	36,721,103,037
2 . Phải trả dài hạn nội bộ	332		2,100,487,900	1,539,487,900
3 . Phải trả dài hạn khác	333	6.16	4,564,940,365	4,564,940,365
4 . Vay và nợ dài hạn	334	6.17	29,110,535,795	24,930,584,800
8 . Doanh thu chưa thực hiện	338		16,122,622,190	5,686,089,972
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		289,372,241,944	277,179,949,019
I. Vốn chủ sở hữu	410	6.18	289,372,241,944	277,179,949,019
1 . Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		182,000,000,000	182,000,000,000
7 . Quỹ đầu tư phát triển	417		18,200,000,000	18,200,000,000
8 . Quỹ dự phòng tài chính	418		12,547,078,878	12,112,209,716
10 . Lợi nhuận chưa phân phối	420		76,625,163,066	64,867,739,303
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1,759,957,864,730	1,735,149,759,454

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ Q.1 kết thúc ngày 31/03/2015	Kỳ Q.1 kết thúc ngày 31/03/2014
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.19	657,844,252,700	550,564,969,567
2.Các khoản giảm trừ	02	6.19	2,873,020,319	417,560,897
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.19	654,971,232,381	550,147,408,670
4.Giá vốn hàng bán	11	6.20	539,888,693,583	455,710,961,944
5.Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		115,082,538,798	94,436,446,726
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.21	3,939,967,605	7,504,086,434
7.Chi phí tài chính	22	6.22	8,315,867,464	7,335,304,207
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,254,996,778	6,760,560,209
8.Chi phí bán hàng	24		47,040,155,848	40,671,808,276
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		45,509,901,210	35,818,527,734
10.Lợi tức thuần từ HĐKD [30= 20 + (21-22) -(24+25)]	30		18,156,581,881	18,114,892,943
11.Thu nhập khác	31	6.23	564,779,444	167,840,974
12.Chi phí khác	32	6.23	239,744,376	130,556,813
13. Lợi nhuận khác	40	6.23	325,035,068	37,284,161
14.Tổng lợi nhuận trước thuế	50		18,481,616,949	18,152,177,104
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.24	3,985,978,213	2,767,298,005
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		14,495,638,736	15,384,879,099
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ báo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Q1.2015	Q1.2014
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	19,981,616,949	18,152,177,104
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và chi phí phân bổ	2	15,357,132,861	13,031,922,838
- Các khoản dự phòng	3		5,047,352,088
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(1,935,213,453)	(5,479,179,600)
- Chi phí lãi vay	6	6,254,996,778	6,760,560,209
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	39,658,533,135	37,512,832,639
- Biến động các khoản phải thu	9	(21,037,829,842)	(8,902,207,699)
- Biến động hàng tồn kho	10	17,561,264,127	2,845,638,052
- Biến động các khoản phải trả	11	(101,847,750,051)	(67,507,181,850)
- Biến động chi phí trả trước	12	(3,050,575,674)	(468,141,038)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6,254,996,778)	(6,760,560,209)
- Thuế thu nhập đã nộp	14	(4,429,521,100)	(6,630,904,196)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3,049,515,000)	(2,813,687,402)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(82,450,391,183)	(52,724,211,703)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(24,139,579,573)	(7,334,841,025)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ các tài sản dài hạn khác	22	164,485,806	60,820,896
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1,350,000,000	3,500,000,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,935,213,453	5,479,179,600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20,689,880,314)	1,705,159,471
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	606,926,530,871	494,936,063,802
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(494,973,943,483)	(448,281,533,413)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	111,952,587,388	46,654,530,389
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50	8,812,315,891	(4,364,521,843)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	55,907,981,287	84,215,154,592
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	64,720,297,178	79,850,632,749

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp được thành lập từ cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 6 tháng 06 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NBC

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 là 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Đối tượng góp vốn	Số đã thực góp đến 31/03/2015 VND	Cổ phần	Mệnh giá	Tỷ lệ thực tế (%)
I. Cổ đông				
1 Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50,400,000,000	5,040,000	10,000	27.69%
2 Cty Cổ Phần 4M	3,634,290,000	363,429	10,000	2.00%
3 Cty CP TM và vận tải Biển Bom	491,220,000	49,122	10,000	0.27%
4 Các Cổ đông khác	127,474,490,000	12,747,449	10,000	70.04%
Tổng	182,000,000,000	18,200,000		

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ cấu tổ chức

Các công ty con

Tỷ lệ vốn đầu tư

1. Công ty Cổ phần May Gia Lai	51,00%
2. Công ty Cổ phần May Đà Lạt	55,00%
3. Công ty Cổ phần May Bình Định	51,84%
4. Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè	51,00%
5. Công ty Cổ phần May An Nhơn	51,00%
6. Công ty Cổ phần May Tam Quan	51,00%
7. Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Nhà Bè	51,00%
8. Công ty Liên doanh Giặt tẩy - Nhà Bè	70,00%

Các công ty liên doanh, liên kết

Tỷ lệ vốn đầu tư

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Bè	28,58%
2. Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%
3. Công ty Cổ phần May 9 - Nam Định	34,33%
4. Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	30,00%
5. Công ty Cổ phần Bất Động sản Nhà Bè	30,00%
6. Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	29,99%
7. Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	49,41%
8. Công ty Cổ phần May Sông Tiền	43,89%
9. Công ty Cổ phần Truyền thông NBC	46,67%
10. Công ty Cổ phần Du lịch Lagi	35,00%
11. Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%



1.1 Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty tại Bình Định
Chi nhánh Tổng Công ty tại Kom Tum
Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội
Chi nhánh Bình Phát tại thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Tổng Công ty tại Bảo Lộc, Lâm Đồng
Chi nhánh Tổng Công ty tại Đà Nẵng
Chi nhánh Phía Bắc tại Hà Nội

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- ...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ quyết toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần Tổng Công ty có mở tài khoản. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng Thương mại cổ phần Tổng Công ty có mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Phương tiện vận tải	06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

	2015
	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Tổng Công ty khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc đại hội đồng cổ đông) công ty con. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Tại Báo cáo riêng của Tổng Công ty, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê mặt bằng, chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Chi phí trả trước dài hạn được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Trong năm 2015, có 0 đồng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	6,718,254,629	8,513,740,217
Tiền gửi ngân hàng	55,102,042,549	43,794,241,071
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	2,900,000,000	3,600,000,000
Tổng	64,720,297,178	55,907,981,288

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****6.2 Các khoản phải thu khác**

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Mua đất dự án Long Thới	20,284,186,150	20,284,186,150
Phải thu BHXH	1,637,865,444	1,610,850,100
thuế giá trị gia tăng được hoàn		25,862,128,844
Ứng tiền đầu tư dự án Hậu giang	5,061,018,118	
Phải thu khác	8,816,397,544	9,519,683,179
Tổng	35,799,467,256	57,276,848,273

6.3 Hàng tồn kho

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	11,200,000	-
Nguyên liệu, vật liệu	282,416,592,231	314,903,829,866
Công cụ, dụng cụ	1,475,981,020	1,660,844,011
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	233,539,257,365	210,254,594,641
Thành phẩm	64,840,689,489	76,643,286,333
Hàng hoá	6,535,096,690	7,880,892,783
Hàng gửi đi bán	51,941,387,806	46,978,021,092
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1,696,970,490)	(1,696,970,490)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	639,063,234,111	656,624,498,236

6.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phân bổ CCDC	1,057,744,303	2,059,188,598
Phân bổ CP quảng cáo	859,058,944	1,506,121,756
Phân bổ CP sửa chữa	1,387,551,541	61,662,006
Phân bổ CP thuê MB	6,117,013,657	641,905,673
Bảo Hiểm	1,275,536,500	572,046,883
Phân bổ phụ tùng	562,305,208	1,864,411,810
Máy móc	132,775,924	5,494,343,374
Khác	1,968,594,263	476,041,210
Tổng	13,360,580,340	12,675,721,310

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****6.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế nhập khẩu	6,206,801,674	4,146,971,327
Các khoản khác phải thu Nhà nước	44,039,138	44,039,138
Tổng	6,250,840,812	4,191,010,465

6.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	3,393,165,844	3,469,538,510
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	255,688,546	265,688,546
Tổng	3,648,854,390	3,735,227,056



6.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng (VND)
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2015	212,159,036,470	321,593,090,988	18,920,537,032	8,997,398,404	561,670,062,894
Tăng trong năm	636,400,613	24,384,142,363	4,992,227,273	946,114,710	30,958,884,959
Mua trong năm		18,490,205,090	4,992,227,273	657,147,210	24,139,579,573
XDCB hoàn thành	636,400,613				636,400,613
Tăng do điều chuyển nội bộ		5,893,937,273		288,967,500	6,182,904,773
Giảm trong năm		7,721,827,284		288,967,500	8,010,794,784
Chuyển sang bất động sản đầu tư		1,827,890,011			1,827,890,011
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
Giảm do điều chuyển nội bộ		5,893,937,273		288,967,500	6,182,904,773
Số dư tại 31/03/2015	212,795,437,083	338,255,406,067	23,912,764,305	9,654,545,614	584,618,153,095
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2015	110,335,398,437	228,529,529,331	14,283,526,026	7,367,260,624	360,515,714,419
Tăng trong năm	3,034,700,174	10,657,830,548	611,840,426	218,055,409	14,522,426,557
Khấu hao trong năm	3,034,700,174	9,750,588,497	611,840,426	215,647,346	13,612,776,443
Tăng do điều chuyển nội bộ		907,242,051		2,408,063	909,650,114
Tăng khác					
Giảm trong năm	44,344,732	2,526,301,524		2,408,063	2,573,054,319
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán		1,619,059,473			1,619,059,473
Giảm khác	44,344,732			2,408,063	44,344,732
Giảm do điều chuyển nội bộ		907,242,051			909,650,114
Số dư tại 31/03/2015	113,325,753,879	236,661,058,355	14,895,366,452	7,582,907,970	372,465,086,658
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	101,823,638,033	93,063,561,657	4,637,011,006	1,630,137,780	201,154,348,475
Tại 31/03/2015	99,469,683,204	101,594,347,712	9,017,397,853	2,071,637,644	212,153,066,437

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.8 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2015	1,923,690,012	12,323,741,389	15,665,124,511	2,333,573,820	32,246,129,732
Tăng trong năm					
Mua trong kỳ					
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					
Tăng do hợp nhất kinh doanh					
Tăng khác					
Giảm trong năm					
Tỷ, nhượng bán					
Giảm khác					
Số dư tại 31/03/2015	1,923,690,012	12,323,741,389	15,665,124,511	2,333,573,820	32,246,129,732
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2015	93,442,642	1,826,774,218	3,749,045,148	1,289,986,189	6,959,248,197
Tăng trong năm	16,489,878	131,073,621	386,841,243	58,339,347	592,744,089
Khấu hao trong năm	16,489,878	131,073,621	386,841,243	58,339,347	592,744,089
Tăng khác					
Giảm trong năm					
Giảm khác					
Số dư tại 31/03/2015	109,932,520	1,957,847,839	4,135,886,391	1,348,325,536	7,551,992,286
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
tại 01/01/2015	1,830,247,370	10,496,967,171	11,916,079,363	1,043,587,631	25,286,881,535
tại 31/03/2015	1,813,757,492	10,496,967,171	11,916,079,363	985,248,284	24,694,137,446

6.9 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Xí nghiệp may Kontum		301,015,113
Tổng	-	301,015,113

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	60,053,268,520	60,053,268,520
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	70,112,689,920	70,112,689,920
Đầu tư dài hạn khác	23,060,613,385	24,410,613,385
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Tổng	153,226,571,825	154,576,571,825

Nội dung	Tại ngày 31/03/2015		Tại ngày 1/01/2015	
	Tỷ lệ/CP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/CP	Giá trị (VND)
Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP May Bình Định	50%	11,535,620,000	50%	11,535,620,000
Công ty CP May Đà Lạt	55%	5,817,648,520	55%	5,817,648,520
Công ty CP May Gia Lai	51%	7,650,000,000	51%	7,650,000,000
Công ty CP Thương mại Nhà Bè	51%	2,550,000,000	51%	2,550,000,000
Công ty CP May An Nhơn	51%	7,650,000,000	51%	7,650,000,000
Công ty CP Thương mại DM Nhà Bè	51%	2,550,000,000	51%	2,550,000,000
Công ty CP May Tam Quan	51%	15,300,000,000	51%	15,300,000,000
Công ty TNHH giặt tẩy Nhà Bè	70%	7,000,000,000	70%	7,000,000,000
Tổng		60,053,268,520		60,053,268,520

Nội dung	Tại ngày 31/03/2015		Tại ngày 1/01/2015	
	Tỷ lệ/CP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/CP	Giá trị (VND)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty cổ phần May Phú Thịnh	33%	9,223,819,263	43%	9,223,819,263
Công ty cổ phần May 9 Nam Định	34%	3,889,170,657	50%	3,889,170,657
Công ty cổ phần Đầu tư NB	29%	3,429,000,000	29%	3,429,000,000
Công ty cổ phần May Sông Tiền	44%	15,360,000,000	44%	15,360,000,000
Công ty CP BĐS Nhà Bè	30%	9,000,000,000	30%	9,000,000,000
Công ty CP tư vấn CN Nhà Bè	30%	1,500,000,000	30%	1,500,000,000
Công ty CP XLCN Nhà Bè	30%	3,000,000,000	30%	3,000,000,000
Công ty cổ phần May Bình Thuận	49%	9,650,700,000	49%	9,650,700,000
Cty CP truyền thông thương hiệu	47%	560,000,000	47%	560,000,000
Cty CP Du Lịch Lagi	35%	7,000,000,000	33%	7,000,000,000
Công ty TNHH May mặc Tư Nghĩa	25%	7,500,000,000	25%	7,500,000,000
Tổng		70,112,689,920		70,112,689,920

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Nội dung	Tại ngày 31/03/2015	Tại ngày 1/01/2015
	Giá trị (VND)	Giá trị (VND)
Đầu tư dài hạn khác		
<i>Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu</i>		
Tổng Cty Việt Thắng - CTCP	3,747,100,000	3,747,100,000
Công ty CP May An Nhơn	1,530,000,000	1,530,000,000
Công ty cổ phần May 9 Nam Định	1,338,750,000	1,338,750,000
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>		
Công ty CP & Đầu tư Bình Thắng	5,802,843,385	5,802,843,385
Công ty CP NPL Bình An	7,161,920,000	7,161,920,000
Công ty CP BDS Việt nam	3,480,000,000	3,480,000,000
Công ty CP Thương Mại Chọn		1,350,000,000
	23,060,613,385	24,410,613,385

6.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí thuê đất	17,414,455,868	16,506,276,580
Chi phí công cụ, dụng cụ	3,495,722,740	5,745,327,711
Chi phí quảng cáo	293,548,713	406,403,031
Chi phí sửa chữa	3,556,567,639	2,985,659,743
Chi phí phụ tùng	2,753,700,394	1,640,764,899
Tài sản HH	7,309,877,360	6,921,856,143
Tài sản VH	8,109,822	13,229,672
Bảo hiểm	83,200,000	
khác	205,307,954	(313,131,577)
Tổng	35,120,490,490	33,906,386,202

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.12 Vay và nợ ngắn hạn

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
1. Vay ngắn hạn	1,082,951,641,978	973,033,085,589
NH Ngoại Thương VN (VCB)	619,954,287,958	640,797,989,989
NH VIB	45,214,112,396	128,622,865,986
NH Far East National Bank (FENB)	25,669,714,739	37,204,043,269
NH Quân Đội (MB)	25,991,620,116	16,391,620,116
NH Natixis Ho Chi Minh Branch	-	-
NH ANZ Ho Chi Minh Branch	25,729,172,912	84,151,290,246
NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN - Nam SG	164,562,614,966	61,574,579,600
NH Đông nam Á - CN Chợ Lớn	41,053,808,915	-
NH Standard Chartered	17,254,979,810	4,290,696,383
NH Công Thương VN - TP.HCM	117,521,330,166	
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	6,135,804,957	8,281,724,953
Ngân hàng Á Châu (ACB)-USD	6,135,804,957	
NH Ngoại Thương VN (VCB)-USD		4,552,320,713
Ngân hàng Á Châu (ACB)-VND		598,060,240
NH Ngoại Thương VN (VCB)-VND		3,131,344,000
Tổng	1,089,087,446,935	981,314,810,542

6.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	2,183,083,600	2,534,076,738
Thuế xuất, nhập khẩu	3,080,200,517	1,446,907,481
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,200,180,033	1,643,722,920
Thuế thu nhập cá nhân	1,503,834,487	1,216,195,798
Các khoản phí, lệ phí và các khoản nộp khác	21,176,491	341,814,943
Tổng	7,988,475,128	7,182,717,880

6.14 Chi phí phải trả

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí trích trước	16,963,404,495	14,690,515,857
Chi tiết Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1,164,482,389	1,164,482,389
Chi phí chiết khấu TM	291,515,820	
Tổng	18,419,402,704	15,854,998,246

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.15 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	1,084,125,858	1,595,226,528
Bảo hiểm xã hội	4,653,742,619	1,014,068,859
Bảo hiểm y tế	737,780,387	660,362,733
Bảo hiểm thất nghiệp	250,621,886	224,816,001
Phải trả khác	7,249,593,857	6,638,809,749
Tổng	<u>13,975,864,607</u>	<u>10,133,283,870</u>

6.16 Phải trả dài hạn khác

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	4,564,940,365	4,564,940,365
Tổng	<u>4,564,940,365</u>	<u>4,564,940,365</u>

Khoản tiền trả cho việc xây dựng kỹ thuật tại CCN Tam Quan sẽ trả trong 4 năm mỗi năm trả 1.141.235.091 đến hết năm 2019.

6.17 Vay và nợ dài hạn

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngân hàng Ngoại Thương VN (VCB)-VND	12,242,310,995	8,062,360,000
Ngân hàng Ngoại Thương VN (VCB)-USD	16,868,224,800	16,868,224,800
Tổng	<u>29,110,535,795</u>	<u>24,930,584,800</u>

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6.18 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng (VND)
Số dư tại 01/01/2014	182,000,000,000	18,200,000,000	10,110,795,577	11,293,189,894	221,603,985,471
Tăng trong năm			2,001,414,139	66,713,804,625	68,715,218,764
Lãi kinh doanh				66,713,804,625	66,713,804,625
Phân phối lợi nhuận			2,001,414,139	2,001,414,139	2,001,414,139
Giảm trong năm (*)				13,139,255,216	13,139,255,216
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				12,675,622,879	12,675,622,879
Giảm khác				463,632,337	463,632,337
Số dư tại 31/12/2014	182,000,000,000	18,200,000,000	12,112,209,716	64,867,739,303	277,179,949,019
Số dư tại 01/01/2015	182,000,000,000	18,200,000,000	12,112,209,716	64,867,739,303	277,179,949,019
Tăng trong năm			434,869,162	14,495,638,736	14,930,507,898
Lãi kinh doanh			434,869,162	14,495,638,736	14,930,507,898
Phân phối lợi nhuận					
Giảm trong năm				2,738,214,973	2,738,214,973
Trích quỹ dự phòng tài chính				434,869,162	434,869,162
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				2,174,345,811	2,174,345,811
Giảm khác				129,000,000	129,000,000
Số dư tại 31/03/2015	182,000,000,000	18,200,000,000	12,547,078,878	76,625,163,066	289,372,241,944

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

6.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng góp vốn	Số đã thực góp đến 31/03/2015 VND	Cổ phần	Mệnh giá	Tỷ lệ thực tế (%)
I. Cổ đông				
1 Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50,400,000,000	5,040,000	10,000	27.69%
2 Cty Cổ Phần 4M	3,634,290,000	363,429	10,000	2.00%
3 Cty CP TM và vận tải Biển Bom	491,220,000	49,122	10,000	0.27%
4 Các Cổ đông khác	127,474,490,000	12,747,449	10,000	70.04%
Tổng	182,000,000,000	18,200,000		

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182,000,000,000	182,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp tại ngày 31 tháng 03	182,000,000,000	182,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận được chia		

d. Cổ phiếu

	31/03/ 2015 Cổ phiếu	31/12/ 2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,200,000	18,200,000
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND/cổ phiếu	10,000	10,000

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

6.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ Q1/2015 VNĐ	Kỳ Q1/2014 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	657,844,252,700	550,564,969,567
Doanh thu bán hàng	652,960,952,411	541,885,167,635
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4,883,300,289	8,679,801,932
Các khoản giảm trừ doanh thu	2,873,020,319	417,560,897
Giảm giá hàng bán	408,216,246	114,568,467
Hàng bán trả lại	2,464,804,073	302,992,430
Tổng	654,971,232,381	550,147,408,670

6.20 Giá vốn hàng bán

	Kỳ Q1/2015 VNĐ	Kỳ Q1/2014 VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã bán và cung cấp dịch vụ	1,308,386,271	1,739,333,047
Giá vốn của thành phẩm đã bán	538,580,307,312	448,924,276,809
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		5,047,352,088
Tổng	539,888,693,583	455,710,961,944

6.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ Q1/2015 VNĐ	Kỳ Q1/2014 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	460,027,183	515,027,990
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,935,213,453	6,423,300,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,543,805,034	561,469,726
Doanh thu hoạt động tài chính khác	921,935	4,288,718
Tổng	3,939,967,605	7,504,086,434

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

6.22 Chi phí tài chính

	Kỳ Q1/2015 VNĐ	Kỳ Q1/2014 VNĐ
Lãi tiền vay	6,254,996,778	6,760,560,209
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,060,870,686	574,743,998
Tổng	8,315,867,464	7,335,304,207

6.23 Lợi nhuận khác

	Kỳ Q1/2015 VNĐ	Kỳ Q1/2014 VNĐ
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	318,727,240	80,491,659
Thu nhập từ xử lý công nợ		58,597,987
Thu nhập khác	246,052,204	28,751,328
Tổng	564,779,444	167,840,974
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	208,830,538	60,820,895
Phạt thuế	444,000	4,235,918
Chi phí khác	30,469,838	65,500,000
Tổng	239,744,376	130,556,813
Lợi nhuận khác	325,035,068	37,284,161

6.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ Q1/2015 VNĐ	Kỳ Q1/2014 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18,481,616,949	18,152,177,104
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	1,572,123,289	849,750,192
- Các khoản chi phí không hợp lý	1,572,123,289	845,514,234
- Khác		4,235,958
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	1,935,657,453	6,423,300,000
- Cổ tức	1,935,213,453	6,423,300,000
- Phạt thuế	444,000	
Thu nhập chịu thuế	18,118,082,785	12,578,627,296
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%	22%
Thuế TNDN phát sinh đối với hoạt động chính	3,985,978,213	2,767,298,005
Chi phí thuế TNDN	3,985,978,213	2,767,298,005

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

6.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ Q1/2015 VNĐ	Kỳ Q1/2014 VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14,495,638,736	15,384,879,099
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14,495,638,736	15,384,879,099
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	18,200,000	18,200,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	796	845

6.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ Q1/2015 VNĐ	Kỳ Q1/2014 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	306,826,314,737	260,176,846,089
Chi phí nhân công	123,060,144,860	100,348,115,888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15,357,132,861	13,612,660,140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171,973,764,918	145,828,360,157
Chi phí khác bằng tiền	15,221,393,265	12,235,315,681
Tổng	632,438,750,641	532,201,297,954

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

7. THÔNG TIN KHÁC**CÁC BÊN LIÊN QUAN XUẤT HÓA ĐƠN CHO CÔNG TY**

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Q1.2015 VND
Cty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Gia công	89,146,386
		Phí vận chuyển	2,114,500
Cty CP May An Nhơn	Công ty con	Gia công	5,841,799,929
Cty CP May Bình Định	Công ty con	Gia công	6,084,955,804
		Phí vận chuyển	16,154,000
Cty CP May Đà Lạt	Công ty con	Gia công	6,418,804,400
		Công cụ, dụng cụ	38,000,000
Cty CP May Gia Lai	Công ty con	Gia công	16,017,198,749
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Gia công	19,776,137,118
Cty CP Thương Mại Nhà Bè Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty con	Gia công	114,729,500
		Gia công	-
		Thiết bị các loại	1,818,181,818
		Phí vận chuyển khác	11,362,994,344
Cty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	1,023,531,272
		Gia công	-
		Thiết bị các loại	38,940,000
		Dịch vụ bảo trì	44,300,000
Cty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Công cụ, dụng cụ	7,745,221,500
		Gia công	1,351,955,792
		Gia công	2,934,374,293
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	2,265,907,853
		Hoa Hồng	35,668,637
Cty CP May Bình Thuận-Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	-
		Thiết bị các loại	174,325,183
		Dịch vụ bảo trì	193,755,000
		Công cụ, dụng cụ	210,365,277
		Phí vận chuyển khác	870,200
		Văn Phòng Phẩm	2,774,829,848
		Sửa chữa	21,593,524
Quảng cáo	56,768,945		
Cty CP Truyền Thông NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	863,315,000
		Thiết bị các loại	-
		Công cụ, dụng cụ	452,765,690
Cty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	-
		Thiết bị các loại	452,765,690
		Công cụ, dụng cụ	296,829,500

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

CÁC BÊN LIÊN QUAN XUẤT HÓA ĐƠN CHO CÔNG TY

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Q1.2015
			VND
Cty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	2,519,995,704
		Điện, ăn, nước, thuê máy	262,561,189
		Nguyên Phụ Liệu	28,797,736
		Khác	2,000,000
Cty CP May An Nhơn	Công ty con	Quần áo	2,975,000
		Điện, ăn, nước, thuê máy	801,000
		Chi Phí XNK	18,500,000
Cty CP May Bình Định	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	44,872,454
		Tiền thuê nhà	63,620,622
		Khác	8,212,400
Cty CP May Đà Lạt	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	6,891,000
		Nguyên Phụ Liệu	34,229,120
		Chi Phí XNK	1,944,095
		Khác	65,901,750
Cty CP May Gia Lai	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	6,310,000
		Tiền thuê nhà	322,787,759
		Nguyên Phụ Liệu	64,451,200
		Chi Phí XNK	170,669,851
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Khác	16,612,588
		Quần áo	12,400,000
		Nguyên Phụ Liệu	3,338,006
Cty CP Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Chi Phí XNK	23,500,000
		Thiết bị các loại	136,363,636
		Quần áo	2,779,439,244
		Điện, ăn, nước, thuê máy	53,013,521
Cty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Tiền thuê nhà	24,140,250
		Nguyên Phụ Liệu	9,876,825
		Khác	500,000
		Quần áo	32,322,681
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	103,823,604
		Tiền thuê nhà	20,598,766
		Chi Phí XNK	5,220,000
		Khác	1,500,000
Cty CP May Bình Thuận-Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	3,818,190
		Điện, ăn, nước, thuê máy	6,060,000
		Chi Phí XNK	5,129,550
		Thiết bị các loại	145,090,876
Cty CP Truyền Thông NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	284,166,148
		Điện, ăn, nước, thuê máy	(60,000)
Cty CP Xây Lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	2,135,593,978
		Điện, ăn, nước, thuê máy	1,044,000
		Quần áo	6,100,000
Cty CP Xây Lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	32,395,406
		Tiền thuê nhà	41,173,611
		Khác	500,000
Cty CP Xây Lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	809,091
		Quần áo	809,091

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Số dư công nợ của bên liên quan			31/3/2015
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	VND
Cty CP May Đà Lạt	Công ty con	Phải thu khách hàng	262,135,610
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	47,568,088
Cty CP May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	615,999,250
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Phải thu khách hàng	118,418,609
Cty CP May Bình Định	Công ty con	Phải trả khách hàng	3,484,575,954
Cty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả khách hàng	398,923,131
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Phải trả khách hàng	13,410,129,551
Cty CP May An Nhơn	Công ty con	Phải trả khách hàng	1,435,440,491
Cty CP May Đà Lạt	Công ty con	Phải trả khách hàng	746,081,470
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả khách hàng	1,484,157,216
Cty CP May Gia Lai	Công ty con	Phải trả khách hàng	10,466,973,727

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

